

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Ngày phát hành 20JUL20Revision

Ngày 20JUL20Revision

Số 1



## 1. NHẬN DẠNG

### **Mã định danh** sản phẩm

Tên sản phẩm trên nhãn                   GHC MINT CBD SALVE

### **Các phương tiện nhận dạng** khác

Mã sản phẩm                                   (BULK #303411)  
  (FG #)

### **Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng**

Khuyến nghị sử dụng                       Chăm sóc da

Hạn chế sử dụng                            Không có thông tin sẵn dùng

### **Chi tiết về nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn**

Nhận dạng nhà cung cấp                Marianna Beauty (còn gọi là Marianna Industries)

Địa chỉ                                        11222 I Street  
  Omaha  
  NE  
  68137  
  HOA  
  KỶ

Điện thoại                                    Điện thoại:4025930211  
  Fax:4025930614

E-mail   sds@mariannabeauty.com

### **Số điện thoại khẩn cấp**

Số điện thoại khẩn cấp của công ty   4025930211



**2. NHẬN DẠNG MỖI NGUY HIỂM**

**Phân loại**

KHÔNG NGUY HIỂM	KHÔNG AI

**Xuất hiện** White CreamyPhysical Pleasant

stateSemi

SolidOdor

**Các yếu tố nhãn GHS, bao gồm các tuyên bố phòng ngừa**

**Từ tín hiệu :** không có

**Tuyên bố về mỗi nguy hiểm**  
không ai

**Tuyên bố phòng ngừa - Phòng ngừa**  
không ai

**Tuyên bố phòng ngừa - Phản ứng**  
không ai

**Tuyên bố phòng ngừa - Lưu trữ**  
Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ mát

**Tuyên bố phòng ngừa - Xử lý**  
không ai

**Các thông tin khác**

Độc tính cấp tính không rõ : Không có thông tin có sẵn

**3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN**

**Chất**

Không áp dụng được

**Hỗn hợp**

Không nguy hiểm

Tên hóa chất	CAS-No	Phần trăm	Số đăng ký Đạo luật Đánh giá Thông tin Vật liệu Nguy hiểm (HMIRA registry #)	Ngày HMIRA nộp đơn và miễn trừ ngày được cấp (nếu có)
	-		-	-

## 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

### Các biện pháp SƠ CỨU

<b>Lời khuyên chung</b>	Hiện thị bảng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ tham dự.
<b>Hít</b>	
<b>Giao tiếp bằng mắt</b>	Rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước, cũng dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Giữ cho mắt mở rộng trong khi rửa. Không chà xát khu vực bị ảnh hưởng. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Xả nước cho da bị ô nhiễm với nhiều nước. Loại bỏ quần áo và giày dép bị ô nhiễm. Nhận attention y tế nếu các triệu chứng xảy ra.
<b>Uống</b>	Nếu nuốt phải, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.
<b>Tự bảo vệ người sơ cứu đầu tiên</b>	Không có thông tin sẵn dùng.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ

### Ảnh hưởng sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Giao tiếp bằng mắt: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Hít phải: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Tiếp xúc với da: Không có tác dụng đáng kể được biết đến hoặc các mối nguy hiểm nghiêm trọng. Nuốt phải: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường thở.

### Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

Giao tiếp bằng mắt:	Không có dữ liệu cụ thể
Hít phải:	Không có dữ liệu cụ thể
Liên hệ da:	Không có dữ liệu cụ thể
Nuốt:	Không có dữ liệu cụ thể

**Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết Lưu ý cho các bác sĩ**

Điều trị có triệu chứng.

## 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

<b>Phương tiện truyền thông dập tắt phù hợp</b>	Sử dụng một chất dập tắt phù hợp với đám cháy xung quanh.
<b>Phương tiện truyền thông dập tắt không phù hợp</b>	Không ai biết.
<b>Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất</b>	Không ai biết.
<b>Sản phẩm đốt nguy hiểm</b>	Không ai biết.
<b>Dữ liệu vụ nổ</b>	
<b>Độ nhạy cảm với tác động cơ học</b>	Không có thông tin sẵn dùng.
<b>Độ nhạy cảm với xả tĩnh</b>	Không có thông tin sẵn dùng.
<b>Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Không có thông tin sẵn dùng.

## 6. BIỆN PHÁP THÁ TỰ DO VÔ TÌNH

### Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và các thủ tục khẩn cấp

**Các biện pháp phòng ngừa cá nhân** Giữ cho nhân viên không cần thiết và không được bảo vệ vào. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Giữ mọi người tránh xa và ngược chiều của sự cố tràn / rò rỉ.

### Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

**Phương pháp ngăn chặn** Ngăn chặn rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không có rủi ro. Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Đê xa trước sự cố tràn chất lỏng để xử lý sau này.

**Phương pháp làm sạch** Đập lên. Ngâm với vật liệu thấm trợ. Nhận và chuyển đến các thùng chứa được dán nhãn đúng cách.

## 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

### Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

**Tư vấn về xử lý an toàn** Put về thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Người lao động nên rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc.

### Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào

**Điều kiện lưu trữ** Lưu trữ theo quy định của địa phương. Cửa hàng bị khóa. Tránh xa tầm với của trẻ em.

## 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

### Tham số điều khiển

**Giới hạn phơi sáng** Không có thông tin

### Điều khiển kỹ thuật thích hợp

**Điều khiển kỹ thuật** Thông gió chung tốt là đủ để kiểm soát sự tiếp xúc của công nhân với các chất gây ô nhiễm trong không khí.

### Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

**Bảo vệ mắt/mặt** Kính bảo hộ an toàn niêm phong chặt chẽ.

**Bảo vệ tay** Không cần thiết khi sử dụng bình thường.

**Bảo vệ da và cơ thể** Không cần thiết khi sử dụng bình thường.

**Bảo vệ hô hấp** Không cần thiết khi sử dụng bình thường.

**Cần nhắc vệ sinh chung** Không cần thiết khi sử dụng bình thường.

## 9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

### Tính chất vật lý và hóa học

<b>Trạng thái vật lý</b>	Lỏng
<b>Bề ngoài</b>	Trắng kem
<b>Mùi</b>	Tốt
<b>Màu</b>	Trắng
<b>Ngưỡng mùi</b>	Tốt

	<u>Giá trị</u> thuộc tính	<u>Phương pháp</u> nhận xét
<b>Điểm nóng chảy / đóng băng</b>	pHNA	
<b>Điểm sôi / phạm vi Flash</b>	bằngKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Rate bốc hơi</b>	<b>sôiNA</b>	
<b>Tính dễ cháy (rắn, khí)</b>	PointKhông có sẵn dữ liệu	
<b>Giới hạn dễ cháy trong không khí</b>	Không có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Giới hạn dễ cháy</b>	trênKhông có sẵn dữ liệu	
<b>Giới hạn dễ cháy thấp</b>	hơnKhông có sẵn dữ liệu	
<b>Áp suất</b>	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Mật độ</b>	hơiKhông có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Mật độ tương đối</b>	đó0.875-0.900	
<b>Độ hòa tan trong nước</b>	nướcNA	
<b>Độ hòa tan (ies)</b>	Không có dữ liệu sẵn dùng	Không ai biết
<b>Hệ số phân vùng: n-octanol/water</b>	not áp dụng	

<b>Autoignition</b>	temperature	Không có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	hủy	Không có dữ liệu	Không ai biết
<b>Độ nhớt động</b>	học	Không có sẵn dữ liệu	Không ai biết
<b>Độ nhớt</b>	nhớt	NA	

<b>Thông tin khác</b>	
<b>Tính chất nổ</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Tính chất oxy hóa</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Điểm làm mềm</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Trọng lượng phân tử</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Nội dung VOC (%)</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Mật độ chất lỏng</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Mật độ số lượng lớn</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Kích thước hạt</b>	Không có thông tin sẵn dùng
<b>Phân bố kích thước hạt</b>	Không có thông tin sẵn dùng

## 10. ÔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

<b>Phản ứng</b>	Không có thông tin sẵn dùng.
<b>Ổn định hóa học</b>	Ổn định trong điều kiện bình thường.
<b>Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm</b>	Không ai được xử lý bình thường.
<b>Trùng hợp nguy hiểm</b>	Trùng hợp nguy hiểm không xảy ra.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Không có thông tin sẵn dùng.
<b>Vật liệu không tương thích</b>	Không ai được biết đến dựa trên thông tin được cung cấp.
<b>Sản phẩm phân hủy nguy hiểm</b>	Oxit carbon .

## 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

### Thông tin về các tuyến đường phơi nhiễm có khả năng

#### Thông tin sản phẩm

<b>Hít</b>	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
<b>Giao tiếp bằng mắt</b>	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn. Có thể gây nhạy cảm do tiếp xúc với da. (dựa trên các thành phần). Tiếp xúc da lặp đi lặp lại hoặc kéo dài có thể gây ra phản ứng dị ứng với những người nhạy cảm.
<b>Uống</b>	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

### Thông tin về ảnh hưởng độc tính

<b>Triệu chứng</b>	Ngứa. Phát ban. Nổi mề đay.
--------------------	-----------------------------

### Các biện pháp số về độc tính

**Độc tính cấp tính****Thông tin thành phần**

Tên hóa chất	Uống LD50	Da LD50	Hít phải LC50
			-

**Tác dụng chậm trễ và ngay lập tức cũng như ảnh hưởng mãn tính do tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn**

<b>Ăn mòn da / kích ứng</b>	Không CÓ thông tin.
<b>Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt</b>	Không có sẵn thông tin.
<b>Nhạy cảm với hô hấp hoặc da</b>	May gây nhạy cảm bằng cách tiếp xúc với da.
<b>Gây đột biến tế bào</b>	mầmKhông có sẵn thông tin.
<b>Chất gây ung thư</b>	thưKhông có sẵn thông tin.
<b>Độc tính sinh sản</b>	sảnKhông có sẵn thông tin.
<b>STOT - phơi sáng đơn</b>	Không có sẵn thông tin.
<b>STOT - phơi sáng lặp đi lặp lại</b>	lạiKhông CÓ thông tin nào.
<b>Nguy cơ nguyên sinh</b>	vọngKhông có sẵn thông tin.

**12. THÔNG TIN SINH THÁI**

Tác động môi trường CỦA sản phẩm này chưa được điều tra đầy đủ.

<b>Kiên trì và khả năng suy thoái</b>	thoáiKhông có sẵn thông tin.
<b>Bioaccumulation</b>	Không có dữ liệu cho sản phẩm này.
<b>Mobility</b>	Không có sẵn thông tin.
<b>Các tác dụng phụ khác</b>	Không có sẵn thông tin.



### 13. CÁN NHẮC XỬ LÝ

#### Phương pháp xử lý chất thải

**Chất thải từ dư lượng / sản phẩm không sử dụng**

Xử lý theo quy định CỦA địa phương. Xử lý chất thải theo quy định CỦA pháp luật về môi trường.

**Bao bì bị ô nhiễm**

Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

### 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

#### CHẤM

Tên vận chuyển thích hợp  
Lớp Nguy hiểm

KHÔNG QUY ĐỊNH  
KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH  
N/A

#### TDG

Không được quy định

#### MEX

Không được quy định

#### ICAO

Không được quy định

#### IATA

Tên vận chuyển thích hợp  
Lớp Nguy hiểm

Không được quy định  
KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH  
N/A

#### IMDG/IMO

Lớp Nguy hiểm

Không được quy định  
N/A

#### THOÁT KHÒI

Không được quy định

#### ADR

Không được quy định

#### ADN

Không được quy định

### 15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Các quy định/ pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho chất hoặc hỗn hợp

Quy định quốc tế

Các chất làm suy giảm tầng ozone (ODS) Không áp dụng

Các chất ô nhiễm hữu cơ dai dẳng không áp dụng được

Yêu cầu Thông báo Xuất khẩu Không áp dụng

Hàng tồn kho quốc tế

TSCA  
DSL/NDSL

Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.  
Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

<b>EINECS /ELINCS</b>	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
<b>ENCS</b>	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
<b>KECL</b>	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
<b>PICCS</b>	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.
<b>AICS</b>	Liên hệ với nhà cung cấp để biết tình trạng tuân thủ hàng tồn kho.

**Truyền thuyết**

**TSCA** - Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ Mục 8 (b) Hàng tồn kho

**DSL / NDSL** - Danh sách các chất trong nước Canada / Danh sách các chất không phải trong nước

**EINECS / ELINCS** - Kiểm kê châu Âu về các chất hóa học hiện có / Danh sách các chất hóa học được thông báo châu Âu

**ENCS** - Nhật Bản Các chất hóa học hiện có và mới

**KECL** - Các chất hóa học hiện có và được đánh giá của Hàn Quốc

**PICCS** - Philippines kiểm kê hóa chất và chất hóa học

**AICS** - Kiểm kê các chất hóa học của Úc

**Quy định liên bang** Hoa Kỳ**SARA 313**

Mục 313 của Tiêu đề III của Đạo luật Sửa đổi và Tái cấp phép Superfund năm 1986 (SARA). Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào tuân theo các yêu cầu báo cáo của Đạo luật và Tiêu đề 40 của Bộ luật Quy định Liên bang, Phần 372

<b>Nguy cơ sức khỏe cấp tính</b>	Không
<b>Nguy hiểm sức khỏe mãn tính</b>	Không
<b>Nguy cơ hỏa hoạn</b>	Không
<b>Độc ngọt giải phóng nguy cơ áp suất</b>	Không
<b>Nguy cơ phản ứng</b>	Không

**CWA (Đạo luật nước sạch )**

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo Đạo luật nước sạch (40 CFR 122.21 và 40 CFR 122.42)

**CERCLA**

Vật liệu này, như được cung cấp, không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất độc hại theo Đạo luật Bồi thường và Trách nhiệm Đáp ứng Môi trường Toàn diện (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo luật Sửa đổi và Tái cấp phép Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo cụ thể ở cấp địa phương, khu vực hoặc tiểu bang liên quan đến việc phát hành tài liệu này

**Quy định của Tiểu bang** Hoa Kỳ**Dự luật California 65**

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất Dự luật 65 nào.

**Quy định về quyền được biết của Tiểu bang** Hoa Kỳ

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào vượt quá giới hạn ngưỡng được quy định bởi quyền được biết của tiểu bang.

**16. THÔNG TIN KHÁC****Ghi chú Sửa đổi**

Không có thông tin sẵn dùng

**Disclaimer**

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác với kiến thức, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin được đưa ra chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, xử lý và phát hành an toàn và không được coi là đặc điểm kỹ thuật bảo hành hoặc chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không hợp lệ đối với tài liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được quy định trong văn bản.

**Kết thúc Bảng dữ liệu an toàn**